

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 303/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 155/TTr-STNMT ngày 24/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020, với những nội dung chính như sau:

1. Quan điểm bảo vệ môi trường (BVMT)

- Đề án BVMT tỉnh Quảng Ngãi là bộ phận cấu thành không thể tách rời của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) của tỉnh. Phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ, hài hoà với phát triển xã hội và BVMT. Đầu tư cho BVMT là đầu tư cho phát triển bền vững;

- BVMT là nhiệm vụ của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, cộng đồng và của mọi người dân;

- Nâng cao năng lực Quản lý nhà nước về BVMT gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường; tăng cường các mặt công tác nghiệp vụ phòng ngừa và chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường; đẩy mạnh việc kiểm tra, phát hiện, tiến hành ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về Bảo vệ môi trường;

- BVMT phải trên cơ sở tăng cường quản lý nhà nước, thể chế và pháp luật đi đôi với việc nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mọi người dân, của toàn xã hội về BVMT;

- BVMT là việc làm thường xuyên, lâu dài, quán triệt quan điểm “vừa xây vừa chống”. Coi phòng ngừa là chính, kết hợp với xử lý và kiểm soát ô nhiễm, khắc phục

suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường; tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; coi khoa học và công nghệ là công cụ hữu hiệu trong BVMT;

- BVMT mang tính liên tỉnh cho nên phải kết hợp giữa phát huy nội lực với tăng cường hợp tác khu vực trong BVMT và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu Bảo vệ môi trường

a) Đối với các khu đô thị

- Xây dựng và đưa vào vận hành có hiệu quả các hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải tập trung tại các khu đô thị hiện hữu (gồm thành phố Quảng Ngãi, Vạn Tường và các thị trấn ở các huyện). Cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống thoát nước theo hướng tách riêng nước thải đô thị ra khỏi nước mưa để xử lý tập trung, cơ bản hoàn thành việc tách riêng hệ thống thoát nước thải đô thị tại thành phố Quảng Ngãi vào năm 2020;

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước thải tách riêng khỏi hệ thống thoát nước mưa tại các khu vực phát triển mới ven các đô thị và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu đô thị để xử lý tập trung;

- Nâng tỷ lệ thu gom rác sinh hoạt và rác y tế tại các đô thị trong tỉnh đạt trên 95% tổng lượng rác thải trên địa bàn; đảm bảo tần suất thu gom kịp thời và đưa đi xử lý ở các cơ sở xử lý chất thải rắn trong tỉnh.

b) Đối với các khu công nghiệp

- Đến năm 2020, các Khu Kinh tế (sau đây viết tắt là KKT), Khu Công nghiệp (sau đây viết tắt là KCN) hiện hữu trên địa bàn tỉnh phải hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường theo quy định (QCVN 40:2011/BTNMT);

- Các KKT, KCN theo quy hoạch mới từ nay trở đi, khi tiếp nhận dự án đầu tư phải có kế hoạch xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng về BVMT theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây viết tắt là ĐTM) được cấp thẩm quyền phê duyệt và xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ cho dự án trước khi dự án đưa vào vận hành;

- Tất cả các dự án đầu tư trong KKT, KCN phải thực hiện nghiêm chỉnh việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung của KKT, KCN để đưa tới trạm xử lý nước thải tập trung, phải thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH), kiểm soát ồn, rung theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các cụm công nghiệp tập trung

- Đến năm 2015, tất cả các cụm công nghiệp (sau đây viết tắt là CCN) có tổng lưu lượng nước thải công nghiệp trong CCN từ 300 m³/ng.đêm trở lên trên địa bàn tỉnh phải hoàn tất hệ thống cơ sở hạ tầng chung, trong đó đặc biệt ưu tiên đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung;

- 100% cơ sở trong CCN phải xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép theo quy chuẩn hiện hành (quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của CCN hoặc thải ra môi trường;

- Các CCN theo quy hoạch mới từ nay trở đi, khi tiếp nhận dự án đầu tư phải

có kế hoạch xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng về BVMT theo báo cáo ĐTM được cấp thẩm quyền phê duyệt và xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ cho dự án trước khi dự án đưa vào vận hành;

- Tất cả các dự án đầu tư trong CCN phải thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các biện pháp xử lý khí thải, CTR, CTNH, kiểm soát ồn rung theo quy định của pháp luật.

d) Đối với các cơ sở công nghiệp phân tán

- Các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nằm bên ngoài KCN, CCN (bao gồm cả các làng nghề) phải hoàn thành hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn xả thải theo quy định hiện hành hoặc phải có kế hoạch di dời gửi cơ quan có thẩm quyền trước năm 2015; đến năm 2015 có ít nhất 50% và đến năm 2020 có ít nhất 80% số cơ sở thực hiện hoàn thành hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn xả thải hoặc di dời;

- Ngăn chặn tình trạng tái lập ô nhiễm đối với các cơ sở sản xuất đã có hệ thống xử lý nước thải và chất thải nói chung;

- Đến năm 2020 có ít nhất 50% số cơ sở sản xuất bên ngoài KCN được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT trước khi vận hành chính thức hoặc chứng chỉ ISO 14001, hay các chứng chỉ khác về môi trường.

đ) Đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp

- Hạn chế sử dụng phân bón hóa học và thuốc BVTV có nguồn gốc hóa học trong nông nghiệp, thay thế bằng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học dễ phân huỷ và tăng cường áp dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp theo quy định;

- Tỷ lệ thu hồi các bao bì, chai lọ hóa chất thuốc BVTV trong nông nghiệp đạt 90% vào năm 2020;

- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ở các khu vực nông thôn đạt 40% từ nay đến 2015 và đạt 60% giai đoạn 2016-2020;

- Xây dựng nông thôn mới với tiêu chí môi trường theo tinh thần của Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Lồng ghép BVMT trong quy hoạch phát triển nông thôn;

- Đảm bảo các làng nghề đều áp dụng và xây dựng các biện pháp BVMT;

- Hình thành các điểm sản xuất rau sạch công nghệ cao, trang trại sinh thái.

e) Đối với các khu, điểm tham quan du lịch

- Đến năm 2015 tất cả các khu, điểm tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh phải được trang bị đầy đủ các phương tiện thu gom rác, các khu nhà vệ sinh công cộng, đảm bảo không để xảy ra tình trạng quá tải vào mùa cao điểm;

- Đến năm 2020, 95% lượng nước thải và CTR sinh hoạt phát sinh từ các khu, điểm tham quan du lịch phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

g) Đối với các bãi rác hiện hữu

- Lập kế hoạch đóng bãi rác hiện hữu gây ô nhiễm chuyển sang các khu xử lý mới theo quy hoạch có đầy đủ kết cấu hạ tầng về BVMT;

- Từng bước cải tạo, phục hồi môi trường tại các bãi rác cũ sau khi đóng bãi và chuyển sang mục đích sử dụng khác thích hợp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất.

3. Các biện pháp BVMT từ nay đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

a) BVMT khu vực đô thị, vùng ven đô thị; nông thôn, miền núi; KKT Dung Quất, các KCN, CCN, tiểu thủ công nghiệp - làng nghề

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng về môi trường như: hệ thống xử lý nước thải tập trung, CTR, cây xanh, thoát nước... tại các đô thị, KKT Dung Quất, các KCN và CCN - làng nghề;

- Kiểm soát chặt chẽ tại nguồn; điều tra, thống kê, phân loại và xây dựng biện pháp quản lý, xử lý phù hợp đối với các nguồn thải, chất thải; kiên quyết xử lý những cơ sở nhiều lần vi phạm, gây ô nhiễm nghiêm trọng; xây dựng các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Thực hiện các biện pháp đồng bộ tiến tới thu gom, xử lý toàn bộ chất thải, nước thải nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Kiên quyết không chấp thuận đầu tư các dự án có khả năng gây ô nhiễm, sự cố môi trường cao nằm gần các khu dân cư, khu vực nhạy cảm về môi trường. Quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung để thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi, có kế hoạch xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường tại các vùng nông thôn do các chất thải chăn nuôi;

- Quy hoạch mới các CCN, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề theo hướng phân loại nhóm ngành nghề đặc trưng như chế biến thủy sản – thực phẩm, đồ gia công – mỹ nghệ,...; các CCN hiện đang hoạt động hạn chế việc đa dạng hóa ngành nghề sản xuất có nguồn thải chất thải khác nhau trong cùng một CCN;

- Quy hoạch, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên; chú trọng bảo vệ và phục hồi cảnh quan môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản. Tăng cường thanh kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng hóa chất trong sản xuất, bảo quản, chế biến hàng nông sản, thủy sản; xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường tại các vùng nuôi tôm...;

- Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, nhưng phải chú ý đến cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học và an toàn sinh học.

b) Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp và tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư trong BVMT. Bổ sung kiện toàn và nâng cao năng lực tổ chức quản lý môi trường các cấp;

- Xây dựng Chương trình truyền thông về BVMT với kế hoạch cụ thể, rõ ràng và hướng đến mục tiêu lâu dài. Nhiệm vụ này phải tập trung ưu tiên chủ yếu đến các đối tượng thanh thiếu niên và học sinh, sinh viên, cũng như đưa nội dung BVMT vào chương trình các cấp học phổ thông để không ngừng nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của môi trường sống hiện nay nhằm giáo dục thế hệ trẻ, tương lai của đất nước ngày càng có nhận thức, thay đổi hành vi nếp sống, ứng xử văn hóa và thân thiện với môi trường;

- Áp dụng tiêu chí môi trường trong công tác thi đua khen thưởng; công bố công khai hành vi vi phạm pháp luật về BVMT trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tạo dư luận xã hội lên án nghiêm khắc đối với những hành vi gây tổn hại đến môi trường;

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành và các đoàn thể quần chúng về truyền thông môi trường; thường xuyên đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các bộ phận tuyên truyền môi trường trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

c) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Kiện toàn tổ chức quản lý Nhà nước về môi trường và phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường ở các cấp. Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ BVMT giữa các cấp, các ngành; tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc BVMT;

- Tăng cường hoạt động phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường; giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT; thanh kiểm tra có trọng tâm các điểm gây ô nhiễm môi trường; thực hiện tốt kết luận sau thanh kiểm tra, đề xuất xử lý và biện pháp khắc phục. Xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 và Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh, đẩy nhanh tiến độ, khắc phục theo thời gian quy định và các Quyết định.

d) Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động BVMT

- Phân định rõ các nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp môi trường, hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm vi phạm pháp luật về môi trường. Xây dựng kế hoạch thực hiện để bảo đảm tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế;

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, loại hình hoạt động; chú trọng huy động mọi nguồn lực trong toàn xã hội để bảo đảm có đủ nguồn lực cho công tác BVMT. Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế áp dụng công nghệ sạch, thực hiện các dịch vụ về môi trường,...

- Rà soát, xây dựng các danh mục chi tiết nhằm thu hút đầu tư vào hoạt động xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Chú trọng thứ tự ưu tiên trong từng lĩnh vực cụ thể, đảm bảo phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường.

đ) Tăng cường nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong BVMT

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, công nghệ sạch, thân thiện môi trường, phát triển các công nghệ xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong BVMT; xây dựng và nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn; hình thành và phát triển ngành công nghiệp môi trường, tạo thị trường, thúc đẩy các doanh nghiệp dịch vụ môi trường, phát triển kinh tế môi trường;

- Lập lộ trình để chuyển đổi các cơ sở sản xuất công nghiệp có máy móc, công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nguyên liệu, điện năng, ảnh hưởng nhiều đến môi trường sang công nghệ mới tiên tiến; kiên quyết không cấp phép cho dự án đầu tư với công nghệ lạc hậu.

e) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về BVMT

- Hoàn thiện hệ thống chính sách phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh việc phổ biến và áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường có liên quan đến sản phẩm và hàng hóa xuất nhập khẩu;

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ BVMT; tích cực tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về BVMT; tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các tổ chức và cá nhân nước ngoài cho công tác BVMT; tăng cường nâng cao năng lực xây dựng các chương trình, dự án, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ quốc tế cho BVMT.

4. Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường: Trước mắt tập trung thực hiện hoàn thành một số nhiệm vụ từ nay đến năm 2015, đảm bảo chất lượng và tiến độ đối với một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Nhiệm vụ 1: Điều tra, thống kê, phân loại và lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm, cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh; điều tra, khảo sát và xử lý chất độc CS còn tồn lưu trong chiến tranh trên địa bàn tỉnh.

- Nhiệm vụ 2: Điều tra hiện trạng và xây dựng phương án thu gom và xử lý CTR công nghiệp, CTNH trên địa bàn tỉnh.

- Nhiệm vụ 3: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung cho KCN Tịnh Phong, KKT Dung Quất và tại các CCN - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề có lưu lượng nước thải sản xuất công nghiệp từ 300m³/ngày đêm trở lên..

- Nhiệm vụ 4: Xử lý môi trường nước tại 2 hồ điều hòa trong thành phố Quảng Ngãi.

- Nhiệm vụ 5: Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt nhỏ cho các thị trấn huyện lỵ và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước của thành phố Quảng Ngãi.

- Nhiệm vụ 6: Đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh, cũng như công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR.

- Nhiệm vụ 7: Đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng trạm xử lý nước thải; xây dựng lò đốt CTR y tế cho các bệnh viện, các trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh.

- Nhiệm vụ 8: Nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT và xây dựng Chương trình truyền thông về BVMT, trong đó ưu tiên tới đối tượng thanh thiếu niên và học sinh, sinh viên, cũng như đưa nội dung về BVMT vào chương trình các cấp học phổ thông.

- Nhiệm vụ 9: Tăng cường năng lực quản lý môi trường các cấp (đặc biệt là cấp xã, phường, thị trấn) trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b) Các nhiệm vụ trong giai đoạn 2016 – 2020: Ngoài việc thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên của giai đoạn trước, cần tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ chính sau:

- Nhiệm vụ 10: Đầu tư, nâng cấp khu liên hợp xử lý CTR công nghiệp và CTNH trên địa bàn tỉnh.

- Nhiệm vụ 11: Xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung cho tất cả các CCN, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ở tất cả các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Nhiệm vụ 12: Tổ chức đánh giá đa dạng sinh học của hệ sinh thái vùng triều tại đảo Lý Sơn, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch bảo vệ hệ sinh thái biển xung quanh đảo; phát triển và mở rộng khu bảo tồn sinh vật biển.

5. Kinh phí thực hiện

Để thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020 như trên, ước tính tổng kinh phí đầu tư là 1.835,5 tỷ đồng (cụ thể theo từng nhiệm vụ có phụ lục kèm theo). Trong đó:

- Ngân sách nhà nước là: 365,5 tỷ đồng (nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường: 165,5 tỷ + kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản (sử dụng trong giai đoạn 2016 – 2020): 200 tỷ).

- Vốn vận động tài trợ ODA: 1.090 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí từ xã hội hóa (bao gồm kinh phí của doanh nghiệp và đóng góp của người dân...) là: 380 tỷ đồng.

- Phân theo giai đoạn đầu tư:

+ Giai đoạn I (2013 – 2015): 948 tỷ đồng. Trong đó: ngân sách nhà nước (kinh phí sự nghiệp môi trường): 58 tỷ; vốn vận động tài trợ ODA: 790 tỷ và xã hội hóa: 100 tỷ đồng.

+ Giai đoạn II (2016 – 2020): 887,5 tỷ đồng. Trong đó: ngân sách nhà nước là 307,5 tỷ đồng (kinh phí sự nghiệp môi trường: 107,5 tỷ + kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản: 200 tỷ); vốn vận động tài trợ ODA: 300 tỷ và xã hội hóa: 280 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án BVMT và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện 06 tháng/lần; tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo để tổ chức triển khai các nhiệm vụ Đề án, cũng như hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện theo đúng tiến độ đã đề ra.

Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án, gửi Sở Tài chính (đối với kinh phí sự nghiệp môi trường), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, vốn tài trợ ODA) để tổng hợp chung vào dự toán của tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan đề xuất kinh phí xây dựng cơ bản, vốn tài trợ ODA triển khai

thực hiện các công tác quản lý, BVMT theo Đề án này bảo đảm yêu cầu trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển KTXH của tỉnh.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, căn cứ khả năng cân đối ngân sách về sự nghiệp môi trường không dưới 1% tổng chi thường xuyên của Ngân sách tỉnh để bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện Đề án này.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp các cơ quan có liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT do UBND tỉnh ban hành; đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2005. Đồng thời phối hợp nghiên cứu đề xuất ban hành các quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh để thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

6. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và triển khai áp dụng thành tựu khoa học – công nghệ, nhất là công nghệ sinh học trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nâng cao năng lực thẩm định công nghệ môi trường.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm: chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hoá chất, thuốc BVTV, phân bón, chất thải trong nông nghiệp; quản lý giống cây trồng vật nuôi; đối với hệ thống đê điều, thủy lợi, khu bảo tồn và nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn.

8. Sở Xây dựng có trách nhiệm: chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với các hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng cấp nước, thoát nước, xử lý CTR và nước thải tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng trong đô thị.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì phối hợp cùng các sở, ngành liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành và thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức cho học sinh các cấp về BVMT.

10. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT và các quy định khác có pháp luật có liên quan đối với hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và hoạt động giao thông vận tải; đảm bảo hạ tầng giao thông vận tải trong phòng chống lụt bão, ứng phó sự cố môi trường khi xảy ra sự cố tràn dầu và hóa chất độc hại trên các tuyến đường thủy nội địa và cảng.

11. Sở Y tế có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc việc quản lý CTR y tế; công tác BVMT và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong các cơ sở y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động mai táng.

12. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường; tổ chức các hoạt động điều tra, phát hiện và xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về BVMT.

13. UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các xã, phường, thị trấn quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên, khoáng sản, không để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản, đốt, chặt phá rừng trái phép; tăng cường phổ biến pháp luật BVMT gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; đồng thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý khoáng sản, tài nguyên đất, nguồn nước, tài nguyên rừng, BVMT trên địa bàn quản lý.

14. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về BVMT đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý.

15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh có trách nhiệm huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác BVMT trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.

16. Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan tổ chức hội thảo chuyên đề, diễn đàn trao đổi, thảo luận về một số chủ đề trọng tâm liên quan đến BVMT. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đến các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư theo định kỳ 01 tháng/lần.

17. Cục Hải quan Quảng Ngãi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan đẩy mạnh công tác kiểm soát, ngăn chặn việc nhập khẩu phế liệu, hóa chất làm nguyên liệu sản xuất.

18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ môi trường; giám sát việc thực hiện pháp luật về BVMT.

19. Các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ hoạt động BVMT, như: xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải tập trung; thu hút dự án theo đúng phân khu, loại hình sản xuất đã được phê duyệt; hình thành tổ chức bộ phận chuyên môn để thực hiện chương trình quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường tại khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Viết Chữ

Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020*(Kèm theo Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 05/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

STT	Nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện	Cơ quan Chủ trì	Nguồn vốn	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)
I	GIAI ĐOẠN I: (2013 – 2015)			
01	Điều tra, thống kê, phân loại và lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm, cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh (Nhiệm vụ 1)	Sở TN&MT	NSNN SNMT	05
02	Điều tra hiện trạng và xây dựng phương án thu gom và xử lý CTR công nghiệp, CTNH trên địa bàn tỉnh (Nhiệm vụ 2)	Sở TN&MT	NSNN SNMT	05
03	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho KCN Tịnh Phong, KKT Dung Quất và tại các CCN – tiểu thủ công nghiệp, làng nghề (Nhiệm vụ 3)	Ban Quản lý các KCN, KKT Dung Quất, các CCN – TTCN, làng nghề và các D.nghiep	Xã hội hóa	100
04	Xử lý môi trường nước 2 hồ điều hòa trong thành phố Quảng Ngãi (Nhiệm vụ 4)	UBND thành phố Quảng Ngãi, Sở TN&MT	Vốn tài trợ ODA	150
05	Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt nhỏ cho các thị trấn và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước của thành phố Quảng Ngãi (Nhiệm vụ 5)	UBND các huyện, Sở Xây dựng	Vốn tài trợ ODA	220
06	Đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh, cũng như công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR (Nhiệm vụ 6)	UBND các huyện, Sở TN&MT,	Vốn tài trợ ODA	420
07	Đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng trạm xử lý nước thải; xây dựng lò đốt CTR y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (Nhiệm vụ 7)	Sở Y tế, Sở TN&MT	NSNN SNMT	20
08	Nâng cao nhận thức cộng đồng và xây dựng Chương trình truyền thông về BVMT (Nhiệm vụ 8)	Sở TN&MT, các Sở, ngành liên	NSNN SNMT	08

STT	Nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện	Cơ quan Chủ trì	Nguồn vốn	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)
		quan		
09	Tăng cường năng lực quản lý môi trường các cấp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Nhiệm vụ 9)	Sở TN&MT	NSNN SNMT	20
II	GIẢI ĐOẠN II: (2016 – 2020)			
10	Tiếp tục xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho KCN Tịnh Phong, KKT Dung Quất và tại các CCN – tiểu thủ công nghiệp, làng nghề (Nhiệm vụ 3)	Ban Quản lý các KCN, KKT DQ, các CCN – TTCN, làng nghề và các D.nghiệp	Xã hội hóa + NSNN (KP đầu tư)	250 (NSNN: 150 tỷ + XHH: 100 tỷ)
11	Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng trạm xử lý nước thải; xây dựng lò đốt CTR y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (Nhiệm vụ 7)	Sở Y tế, Sở TN&MT	NSNN SNMT	50
12	Tăng cường năng lực quản lý môi trường các cấp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Nhiệm vụ 9)	Sở TN&MT	NSNN SNMT	50
13	Đầu tư, nâng cấp khu liên hợp xử lý CTR công nghiệp và CTNH trên địa bàn tỉnh (Nhiệm vụ 10)	Sở TN&MT	Xã hội hóa + NSNN (KP đầu tư)	180 (NSNN: 50 tỷ + XHH: 130 tỷ)
14	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ở các đô thị loại III, loại IV trong tỉnh (Nhiệm vụ 11)	Sở Xây dựng, Sở TN&MT	Vốn ODA + Xã hội hóa	350 (Vốn ODA: 300 tỷ + XHH: 50 tỷ)
15	Tổ chức đánh giá đa dạng sinh học của hệ sinh thái vùng triều tại đảo Lý Sơn (Nhiệm vụ 12)	Sở TN&MT, Sở NN&PTNT	NSNN SNMT	7,5
	Tổng cộng			1.835,5